SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HẢI PHÒNG

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi gồm 50 câu; 08 trang)

KỲ THI
CHỌN HỌC SINH GIỎI THÀNH PHỐ CẤP THPT
NĂM HỌC 2024 - 2025

ĐỀ THI MÔN: ĐỊA LÍ
Thời gian làm bài: 90 phút. (không kể thời gian giao đề)
Ngày thi: 10/12/2024

Họ và tên học sinh :..... Số báo danh : ..... **Mã đề 601**

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 36. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Mùa mưa ở dải đồng bằng ven biển Nam Trung Bộ nước ta chịu tác động chủ yếu của

A. dải hội tụ, Tín phong bán cầu Bắc và gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

B. gió mùa Tây Nam, áp thấp nhiệt đới, gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến.

C. áp thấp nhiệt đới và bão, gió mùa Tây Nam, gió Tây và gió mùa Đông Bắc.

D. gió hướng đông bắc, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ, bão và áp thấp nhiệt đới.

Câu 2. Tính mùa vụ trong nông nghiệp của nước ta được khai thác tốt hơn nhờ đẩy mạnh các hoạt động

A. áp dụng khoa học – kĩ thuật trong sản xuất.

B. vận tải, chế biến và bảo quản nông sản.

C. xuất khẩu với các thị trường có nhu cầu lớn.

D. tạo dựng và quảng bá thương hiệu nông sản.

Câu 3. Vị trí địa lí nước ta

A. gần trung tâm vùng Đông Nam Á lục địa.

B. giáp biển Đông thông ra Đại Tây Dương.

C. nằm ở trong vùng nhiệt đới bán cầu Nam.

D. nằm trên ngã tư đường hàng hải quốc tế.

Câu 4. Điều kiện chủ yếu để phát triển khai thác thủy sản nước ta là

A. vùng biển rộng lớn, nguồn lợi sinh vật.

B. bãi biển rộng, nhiều rạn san hô ven bờ.

C. tàu thuyền hiện đại, đầm phá ven biển.

D. sông ngòi dày đặc, rừng ngập mặn rộng.

Câu 5. Việc chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp nước ta theo hướng đa dạng hóa sản phẩm nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

A. Tạo ra các sản phẩm có chất lượng và cạnh tranh được về giá cả.

B. Tạo ra các sản phẩm giá rẻ, phù hợp với yêu cầu của thị trường.

C. Phù hợp với yêu cầu của thị trường và tăng cường hiệu quả đầu tư.

D. Phù hợp với khả năng lao động và tăng hiệu quả sản xuất, đầu tư.

Câu 6. Nguyên nhân quan trọng nhất tạo nên sự đa dạng về đất ở vùng đồi núi nước ta do

A. việc khai thác và sử dụng đất của con người khác nhau giữa các vùng.

B. lịch sử hình thành qua nhiều giai đoạn tạo các nền địa chất khác nhau.

C. sự phân hóa phức tạp của khí hậu cùng với sự đa dạng sinh vật, đá mẹ.

D. quá trình phong hóa diễn ra không đồng nhất giữa các vùng đồi và núi.

Câu 7. Ý nghĩa chủ yếu của việc chuyển dịch cơ cấu ngành trồng trọt ở Đồng bằng sông Hồng là

A. khắc phục tính mùa vụ, đa dạng cơ cấu sản phẩm của vùng.

B. đẩy mạnh chuyên môn hóa sản xuất, giải quyết tốt việc làm.

C. tạo ra nguồn hàng xuất khẩu, thúc đẩy sự phân hóa lãnh thổ.

D. tạo nhiều nông sản hàng hóa, khai thác hiệu quả tài nguyên.

Câu 8. Giải pháp chủ yếu để sử dụng có hiệu quả nguồn lao động ở nông thôn nước ta là

A. thu hút vốn nước ngoài để mở rộng sản xuất, xây dựng khu công nghiệp.

B. đa dạng hóa hoạt động kinh tế, đẩy mạnh sản xuất nông sản hàng hóa.

C. đẩy mạnh xuất khẩu lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

D. xây dựng chính sách chuyển cư phù hợp, giảm gia tăng dân số tự nhiên.

Câu 9. Các đô thị ở nước ta có khả năng đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế do

A. thị trường rộng, mức sống cao, công nghiệp phát triển, tạo nhiều việc làm.

B. có sức hút đầu tư lớn, thị trường đa dạng, nhu cầu đa dạng, lịch sử lâu đời.

C. quy mô dân số lớn, trình độ lao động cao, hạ tầng tốt, dân cư phân bố đều.

D. hạ tầng tốt, thị trường rộng, sức hút đầu tư lớn, lao động có chất lượng cao.

Câu 10. Giải pháp quan trọng để đẩy mạnh sự phát triển ngành du lịch của nước ta hiện nay là

A. ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ trực tiếp các doanh nghiệp.

B. mở cửa đón du khách quốc tế, giảm giá các loại hình dịch vụ.

C. xây dựng cơ sở lưu trú, cơ sở hạ tầng để thu hút khách du lịch.

D. đổi mới chiến lược phát triển, đa dạng hóa sản phẩm du lịch.

Câu 11. Dân số nước ta hiện nay

A. phân bố đều ở nông thôn.

B. có tốc độ già hóa nhanh.

C. tỉ lệ dân nông thôn nhỏ.

D. đông nhất ở vùng ven biển.

Câu 12. Nông nghiệp nước ta chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản chủ yếu do

A. ứng dụng nhiều kĩ thuật tiên tiến, thu hút lực lượng lao động đông đảo.

B. ngành phát triển rộng khắp, lao động đông đảo, cung cấp lương thực.

C. có vốn đầu tư lớn nhất, cung cấp lương thực, thực phẩm cho cả nước.

D. vốn đầu tư lớn, kĩ thuật sản xuất hiện đại, phân bố rộng khắp cả nước.

Câu 13. Khó khăn lớn nhất trong sản xuất cây công nghiệp ở nước ta là

A. khí hậu nhiệt đới nóng ẩm gió mùa.

B. thiếu hụt nguồn lao động.

C. thị trường thế giới nhiều biến động.

D. địa hình chủ yếu là đồi núi.

Câu 14. Ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng tăng trưởng nhanh chủ yếu do những nguyên nhân nào sau đây?

A. Nền kinh tế hàng hoá sớm phát triển, cơ sở hạ tầng tốt.

B. Nhập cư nhiều, dân đông, chất lượng cuộc sống nâng cao.

C. Lao động có chuyên môn cao, vốn đầu tư nước ngoài tăng.

D. Dân số đông, hàng hoá phát triển, nhiều trung tâm kinh tế.

Câu 15. Sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Hồng ngày càng phát triển mạnh chủ yếu do

A. quy mô và trình độ lao động tăng nhanh, giao thông vận tải phát triển mạnh.

B. thu hút được nhiều vốn đầu tư, hiện đại cơ sở hạ tầng, thị trường mở rộng.

C. các nguồn nguyên, nhiên liệu được đảm bảo, phát triển nhiều ngành hiện đại.

D. áp dụng công nghệ hiện đại, đô thị hóa tăng nhanh, lao động có kĩ thuật cao.

Câu 16. Điểm khác biệt của vùng khí hậu Nam Bộ so với Nam Trung Bộ ở nước ta là

A. mùa mưa đến muộn, ít ảnh hưởng bão.

B. có mùa mưa - khô rõ rệt, mưa về mùa hạ.

C. nhiệt độ cao, mưa lùi về mùa thu đông.

D. khí hậu phân thành hai mùa mưa - khô.

Câu 17. Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ở nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Phát huy các nguồn lực trong nhân dân.

B. Có tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu GDP.

C. Giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

D. Có vai trò lớn trong thu hút vốn đầu tư.

Câu 18. Phát triển chăn nuôi lợn theo quy mô công nghiệp ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn chủ yếu do

A. vốn đầu tư ít, hạn chế về công nghệ và nguồn thức ăn, dịch vụ thú y còn kém.

B. bất lợi về công nghệ và vốn, thị trường bấp bênh, thiếu kinh nghiệm quản lí.

C. giống vật nuôi năng suất thấp, thị trường bất ổn, thức ăn không đảm bảo.

D. hạn chế về thức ăn và thú y, giống vật nuôi năng suất thấp, dịch bệnh nhiều.

Câu 19. Vào mùa đông, gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta thổi xen kẽ với

A. Tín phong bán cầu Nam.

B. gió phơn Tây Nam.

C. Tín phong bán cầu Bắc.

D. gió Tây ôn đới.

Câu 20. Ngành dịch vụ ngày càng đóng góp nhiều hơn cho sự tăng trưởng kinh tế của nước ta do

A. huy động nguồn lao động có tri thức.

B. có điều kiện tự nhiên, vị trí thuận lợi.

C. nước ta đang hội nhập kinh tế thế giới.

D. có nhiều loại hình dịch vụ mới ra đời.

Câu 21. Thuận lợi chủ yếu để phát triển cây công nghiệp, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt và ôn đới ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. công nghiệp chế biến đang phát triển mạnh.

B. vị trí thuận lợi cho việc xuất khẩu sản phẩm.

C. lực lượng lao động có chuyên môn đang tăng.

D. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 22. Sự phát triển công nghiệp da, giày của nước ta chịu tác động chủ yếu của nhân tố nào sau đây?

A. Nguồn lao động và thị trường tiêu thụ.

B. Thị trường tiêu thụ và nguồn vốn đầu tư.

C. Vị trí địa lí và nguồn lao động dồi dào.

D. Nguồn lao động và cơ sở vật chất – kỹ thuật.

Câu 23. Sản phẩm công nghiệp dầu thô của nước ta tăng trong những năm gần đây chủ yếu do

A. nhu cầu tiêu dùng trong nước lớn, nguồn vốn đầu tư và lao động có trình độ.

B. đầu tư công nghệ tiên tiến, lực lượng lao động có trình độ kĩ thuật cao, vốn lớn.

C. khai thác nhiều mỏ dầu, tăng cường hợp tác với nước ngoài, đầu tư công nghệ.

D. khai thác thêm các mỏ dầu mới, hợp tác quốc tế, lao động ở trong nước đông.

Câu 24. Kim ngạch nhập khẩu của nước ta trong những năm gần đây tăng khá nhanh chủ yếu do

A. sự phục hồi, phát triển của sản xuất, tiêu dùng, đáp ứng nhu cầu xuất khẩu.

B. dân số đông, nhu cầu tiêu dùng cao trong khi sản xuất chưa phát triển.

C. kinh tế còn phát triển chậm chưa đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước.

D. sự phát triển của nhiều thành phần kinh tế và đẩy mạnh quá trình đô thị hóa.

Câu 25. Chế độ mưa nước ta diễn biến thất thường chủ yếu do

A. nóng lên toàn cầu, dải hội tụ nhiệt đới, độ cao và hướng của các dãy núi.

B. dải hội tụ nhiệt đới, bão, frông, Tín phong bán cầu Bắc, vị trí xa xích đạo.

C. hoạt động của gió mùa, biến đổi khí hậu toàn cầu, nhiễu động khí quyển.

D. gió hướng đông bắc, gió hướng tây nam, frông, bão và áp thấp nhiệt đới.

Câu 26. Phát biểu nào sau đây thể hiện vai trò về mặt xã hội của các khu công nghiệp nước ta?

A. Chuyển dịch cơ cấu lao động.

B. Thu hút đầu tư nước ngoài.

C. Nâng cao giá trị xuất khẩu.

D. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Câu 27. Việc phát triển nghề thủ công truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng hiện nay góp phần quan trọng nhất vào

A. giải quyết sức ép về vấn đề việc làm.

B. thay đổi phân bố dân cư trong vùng.

C. đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

D. thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

Câu 28. Giải pháp chính để nâng cao hiệu quả chăn nuôi gia súc lớn ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

A. cải tạo các đồng cỏ, đầu tư cơ sở hạ tầng, xây dựng thương hiệu.

B. đẩy mạnh lai tạo giống, đảm bảo nguồn thức ăn, phòng chống dịch.

C. chăn nuôi theo hướng tập trung, đảm bảo tốt chuồng trại, thức ăn.

D. phát triển trang trại, đảm bảo nguồn thức ăn, đẩy mạnh chế biến.

Câu 29. Cơ cấu dân số theo giới tính nước ta hiện nay

A. mất cân bằng giới tính ở tuổi lao động.

B. rất cân bằng giữa giới nam và giới nữ.

C. chênh lệch lớn giữa giới nam và giới nữ.

D. mất cân bằng giới tính khi sinh.

Câu 30. Hoạt động nội thương của nước ta hiện nay có nhiều chuyển biến tích cực chủ yếu do

A. mức sống tăng, công nghệ phát triển, lao động đông đảo.

B. sản xuất phát triển, mức sống tăng, chính sách đổi mới.

C. chính sách thay đổi, dân số tăng nhanh, thị trường rộng.

D. hàng hóa đa dạng, dân số tăng, nhu cầu ngày càng lớn.

Câu 31. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc chủ yếu do

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, lớp vỏ phong hoá dày.

B. lượng mưa lớn, địa hình phần nhiều là đồi núi.

C. hoạt động nội lực tạo các đứt gãy và vùng trũng thấp.

D. tác động kết hợp của nội, ngoại lực đa dạng ở các nơi.

Câu 32. Đồng bằng sông Hồng là vùng có

A. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

B. số dân chiếm một nửa cả nước.

C. mật độ dân số cao nhất cả nước.

D. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.

Câu 33. Cơ cấu lao động ở nước ta hiện nay đang có sự chuyển dịch tích cực, do tác động chủ yếu của các

nhân tố nào sau đây?

A. Công nghiệp hóa, đô thị hóa phát triển, năng suất lao động, nhu cầu.

B. Thu hút đầu tư, chất lượng lao động cao, thị trường lớn, đô thị hóa.

C. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nền kinh tế thị trường, đô thị hóa.

D. Tâm lí xã hội, ý thức người lao động, khoa học kĩ thuật, thị trường.

Câu 34. Địa hình nước ta chịu tác động mạnh mẽ của quá trình bóc mòn chủ yếu do

A. lớp phủ thực vật mất dần, núi chiếm diện tích lớn, mưa lớn trên diện rộng.

B. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiều đồi núi, sườn dốc, ảnh hưởng của biển.

C. vùng đồi núi rộng, lượng mưa lớn tập trung, chế độ thủy triều rất phức tạp.

D. lớp vỏ phong hóa dày, khí hậu nóng và ẩm, mức độ chia cắt địa hình lớn.

Câu 35. Hoạt động khai thác khoáng sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ cần quan tâm tới

A. ô nhiễm môi trường và suy giảm diện tích rừng.

B. những biến động của môi trường và tái định cư.

C. phát triển mạng lưới giao thông và công nghiệp.

D. vấn đề trồng rừng và ổn định quần cư vùng núi.

Câu 36. Nhân tố nào sau đây có tác động mạnh nhất đến phát triển giao thông vận tải biển của nước ta hiện nay?

A. Sản xuất trong nước phát triển, đẩy mạnh xuất, nhập khẩu.

B. Có nhiều tỉnh giáp biển, lượng hàng hóa vận chuyển tăng.

C. Vùng biển có diện tích rộng, thông với Thái Bình Dương.

D. Vị trí ở gần các tuyến hàng hải quốc tế, nhiều vũng, vịnh.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 8. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1. Cho thông tin sau:

Theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 6-7-2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, ngành công nghiệp (cấp 1) gồm 4 nhóm với 34 ngành (cấp 2). Đó là các nhóm công nghiệp khai khoáng (5 ngành); nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo (24 ngành); nhóm công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí (1 ngành) và nhóm công nghiệp cung cấp nước, hoạt động quản lí và xử lí rác thải, nước thải (4 ngành).

a) Nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu ngành công nghiệp nước ta.

b) Xu hướng phát triển của ngành công nghiệp nước ta chú trọng phát triển các ngành truyền thống gắn với khai thác tài nguyên.

c) Cơ cấu ngành công nghiệp nước ta có sự chuyển dịch tích cực do quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững.

d) Sự chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo ngành ở nước ta hiện nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với an ninh quốc phòng.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Sự phân hóa của thiên nhiên theo chiều Đông – Tây được thể hiện khá rõ ở vùng đồi núi nước ta. Vùng núi Đông Bắc là nơi có mùa đông lạnh nhất cả nước, về mùa đông nhiệt độ hạ xuống rất thấp, thời tiết hanh khô, thiên nhiên mang tính chất cận nhiệt đới gió mùa. Vùng núi Tây Bắc có mùa đông tương đối ấm và khô hanh, ở các vùng núi thấp cảnh quan mang tính chất nhiệt đới gió mùa, tuy nhiên ở các vùng núi cao cảnh quan thiên nhiên lại giống vùng ôn đới.

a) Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây ở vùng núi nước ta do tác động của gió mùa và độ cao các dãy núi.

b) Vùng núi Tây Bắc có mùa đông ấm hơn và khô hanh do vị trí và ảnh hưởng các dãy núi hướng tây bắc – đông nam đã ngăn cản gió mùa Đông Bắc.

c) Vùng núi Đông Bắc có mùa đông lạnh nhất cả nước do tác động kết hợp của vị trí địa lí, gió mùa Đông Bắc và hướng núi.

d) Sự phân hóa thiên nhiên theo Đông – Tây ở vùng núi nước ta là biểu hiện của quy luật đai cao.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Vùng biển ven bờ và vùng biển ngoài khơi nước ta đều có trữ lượng thuỷ sản rất lớn. Nghề đánh bắt khai thác thủy sản cũng là sinh kế truyền thống, lâu đời gắn bó với một bộ phận lớn dân cư nước ta tại các vùng ven biển, đảo. Những yếu tố này tạo điều kiện thuận lợi cho ngành khai thác thuỷ sản nước ta trở thành một trong những ngành mũi nhọn của quá trình phát triển kinh tế biển.

a) Nhân tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến hoạt động khai thác thủy sản nước ta là điều kiện đánh bắt.

b) Sản lượng thủy sản khai thác tăng chủ yếu do tăng khai thác nội địa, đầu tư nâng cấp công suất tàu thuyền và hiện đại hóa ngư cụ.

c) Hoạt động khai thác thủy sản xa bờ ở nước ta được chú trọng phát triển nhằm mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội và an ninh quốc phòng.

d) Vùng biển ven bờ nước ta thuận lợi cho việc khai thác thủy sản nước ngọt.

Câu 4. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng của Hà Nội (trạm Láng), năm 2023

Tháng	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**	**9**	**10**	**11**	**12**
Nhiệt độ *(^0C)*	18,2	20,7	22,7	25,5	29,5	30,4	31,5	29,8	29,1	27,8	24,4	19,8
Lượng mưa *(mm)*	8,0	24,2	7,6	72,0	64,2	375,4	134,6	358,8	269,7	22,4	61,0	21,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2023)

a) Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội là 26,5^{0}C, biên độ nhiệt năm là 12,7^{0}C.

b) Biểu đồ cột là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện nhiệt độ và lượng mưa trung bình các tháng của Hà Nội năm 2023.

c) Mùa mưa ở Hà Nội do tác động chủ yếu của gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới và bão.

d) Tổng lượng mưa của Hà Nội lớn đạt 1419,5 mm, mùa mưa kéo dài từ tháng 6 đến tháng 9.

Câu 5. Cho thông tin sau:

Vùng Đồng bằng sông Hồng có khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, nhiệt độ trung bình năm cao, lượng mưa trung bình năm từ 1500 mm đến 2000 mm; trong năm có một mùa đông lạnh từ 2 đến 3 tháng nhiệt độ dưới 18°C, thuận lợi để phát triển nông nghiệp nhiệt đới và trồng cây ưa lạnh trong vụ đông.

a) Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, tạo ra nhiều lợi nhuận.

b) Ý nghĩa chủ yếu của việc đưa vụ đông trở thành vụ chính trong nông nghiệp của vùng là giải quyết việc làm, tăng cường chuyên môn hóa sản xuất.

c) Thuận lợi chủ yếu để Đồng bằng sông Hồng phát triển trồng các loại cây ưa lạnh là đất phù sa màu mỡ, có mùa đông lạnh, thị trường tiêu thụ lớn.

d) Vùng có một mùa đông lạnh là điều kiện để đa dạng hóa cơ cấu sản phẩm nông nghiệp.

Câu 6. Cho bảng số liệu:

Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2010 và năm 2021

(Đơn vị: Nghìn ha)

Loại cây / Năm	Điều	Cao su	Cà phê	Chè	Hồ tiêu
2010	379,3	748,7	554,8	129,9	51,3
2021	314,4	930,5	710,6	123,6	125,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2011, 2022)

a) Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta năm 2021 tăng gấp 1,5 lần so với năm 2010.

b) Từ năm 2010 đến 2021, diện tích cây cao su tăng nhanh nhất, diện tích cây hồ tiêu tăng chậm nhất.

c) Phần lớn cây công nghiệp lâu năm của nước ta chủ yếu là cây cận nhiệt đới, trong đó cây cà phê có diện tích lớn nhất.

d) Diện tích một số cây công nghiệp lâu năm của nước ta tăng do có giá trị kinh tế cao và đáp ứng thị trường.

Câu 7. Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ phát triển thủy điện từ những năm 60 của thế kỉ XX. Nhà máy thủy điện đầu tiên được xây dựng là nhà máy thủy điện Thác Bà trên sông Chảy với công suất 120 MW. Các nhà máy thủy điện của vùng là Sơn La (2400 MW), Hòa Bình (1920 MW), Lai Châu (1200 MW), Tuyên Quang (342 MW)... Ngoài ra vùng có nhiều nhà máy thủy điện nhỏ có ý nghĩa đối với việc cung cấp điện sinh hoạt cho người dân.

a) Việc phát triển thủy điện của vùng cần phải chú ý vấn đề môi trường do là vùng hạ nguồn của các dòng sông lớn và tài nguyên rừng đang bị suy giảm.

b) Vùng có nguồn thủy năng lớn do có các hệ thống sông chảy trên địa hình phân bậc rõ rệt.

c) Việc xây dựng các nhà máy thủy điện trong vùng đòi hỏi nguồn vốn đầu tư lớn, khoa học - công nghệ hiện đại.

d) Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có nhiều nhà máy thủy điện lớn nhất cả nước.

Câu 8. Cho thông tin sau:

Ngoài tính đa dạng, khí hậu Việt Nam còn rất thất thường, có năm rét sớm, năm rét muộn, năm mưa lớn, năm khô hạn, năm ít bão, năm nhiều bão khiến cho sự theo dõi thời tiết hàng năm để điều chỉnh thời vụ gieo trồng và việc chọn giống cây chống chịu được thiên tai như rét, hạn, úng là một đòi hỏi thực tiễn. Như thế, khí hậu nước ta thất thường cả trong chế độ nhiệt, cả trong chế độ mưa.

a) Tính thất thường của khí hậu là nguyên nhân chủ yếu làm tăng tính bấp bênh, không ổn định trong sản xuất nông nghiệp.

b) Nguyên nhân chủ yếu làm cho thời tiết ở phần lãnh thổ phía Nam ít biến động hơn ở phần lãnh thổ phía Bắc vào thời kì mùa đông là do hoạt động của gió Mậu dịch.

c) Nhiệt độ tháng 7 ở nước ta có sự phân hóa, biên độ nhiệt năm về phía Nam nhỏ dần.

d) Nhiệt độ tháng 1 ở nước ta có sự phân hóa theo chiều Bắc - Nam, mùa đông ở Bắc Bộ nhiệt ổn định.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ các tháng tại Nha Trang năm 2023

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ *(^0C)*	24,4	25,2	25,6	28,6	29,3	29,5	29,2	29,8	29,0	28,0	27,0	26,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính nhiệt độ trung bình năm của Nha Trang năm 2023 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 2. Năm 2021, sản lượng điện của nước ta đạt 244,9 tỉ kWh. Trong đó, thủy điện chiếm 30,6%; nhiệt

điện chiếm 56,2% cơ cấu sản lượng điện. Hãy cho biết, năm 2021 sản lượng nhiệt điện nhiều hơn sản lượng thủy điện của nước ta bao nhiêu tỉ kWh? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 3. Năm 2022 quy mô dân số thế giới là 7713,0 triệu người, sản lượng lương thực đạt 2964,4 triệu tấn. Tính bình quân sản lượng lương thực theo đầu người của thế giới năm 2022 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 4. Năm 2021, nước ta có khối lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ đạt 1303,3 triệu tấn, khối lượng luân chuyển hàng hóa bằng đường bộ đạt 75,3 tỉ tấn.km. Tính cự li vận chuyển hàng hóa trung bình bằng đường bộ của nước ta năm 2021 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 5. Ở độ cao 500 m tại sườn đón gió có nhiệt độ là 30^0C, cùng thời điểm này nhiệt độ ở độ cao 2419 m (cùng sườn đón gió) sẽ là bao nhiêu ^{0}C (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất).

Câu 6. Năm 2021, quy mô dân số nước ta đạt 98,5 triệu người. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên là 0,94%. Tính số dân nước ta năm 2024 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

------ HẾT ------

(*Thí sinh không được sử dụng Átlát, cán bộ coi thi không cần giải thích gì thêm*)

ĐÁP ÁN

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
D	B	D	A	C	C	A	B	D	D	B	B	C	D	B	B	A	C

19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36
C	D	D	A	C	A	C	A	A	D	D	B	B	C	C	B	A	A

1	**A-Đ, B-S, C-Đ, D-S.**
2	**A-Đ, B-Đ, C-Đ, D-S.**
3	**A-Đ, B-S, C-Đ, D-S.**
4	**A-S, B-S, C-Đ, D-Đ.**
5	**A-Đ, B-S, C-Đ, D-Đ.**
6	**A-S, B-S, C-S, D-Đ.**
7	**A-S, B-Đ, C-Đ, D-Đ.**
8	**A-Đ, B-Đ, C-Đ, D-S.**